

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18/3/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Thụy;

2. Ông Vũ Hồ Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Loan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST- HNGĐ, ngày 05/3/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị L, sinh năm 1985; (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã Ú, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Trú tại: Thôn Đ, xã Ú, huyện N, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Lưu Văn T, sinh năm 1983; (Vắng mặt lần thứ hai)

Trú tại: Thôn Đ, xã Ú, huyện N, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng: Ông Lưu Văn B, sinh năm 1960; (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn Đ, xã Ú, huyện N, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị Hà Thị L trình bày: Chị và anh Lưu Văn T tự do, tự nguyện tìm hiểu trong thời gian 03 năm thì đi đến kết hôn được UBND xã Ú, huyện N tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/11/2007. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 7/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống và phát triển kinh tế gia đình. Anh T đánh chửi chị nên chị bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở thôn Đ, xã N (nay là xã Ú), huyện N sinh sống, chị đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh T tuy nhiên anh T đến xin lỗi bố, mẹ chị và chị vì nghĩ thương con còn nhỏ nên chị rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Đến giữa năm 2022 anh T tiếp tục đánh, chửi chị nên chị tiếp tục bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân kể từ thời điểm chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ đến nay không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Lưu Văn T có hai con chung là Lưu Hà Việt A, sinh ngày 04/02/2008 và Lưu Hà Kiều A1, sinh ngày 30/5/2013. Chị đề nghị Tòa án giao con chung là Lưu Hà Kiều A1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Lưu Hà Việt A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về quan hệ tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Lưu Văn T: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà, giấy triệu tập anh T đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên toà song anh đều vắng mặt không có lý do.

Chính quyền địa phương xã Ú cung cấp: Chị Hà Thị L và anh Lưu Văn T kết hôn với nhau hợp pháp tại UBND xã N (nay là xã Ú) vào ngày 04/11/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng nhau tại thôn Đ, xã Ú. Quá trình chung sống vợ được khoản 03- 04 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được, tuy nhiên chị L đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ nhiều lần, sau đó một thời gian vợ chồng đã hòa giải về chung sống với nhau. Tuy nhiên, đến khoảng giữa năm 2022 thì hai bên có xảy ra mâu thuẫn, chị L lại bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở thôn Đ, xã Ú, vợ chồng ly thân kể từ thời điểm chị L bỏ về nhà bố,

mẹ đẻ đến nay, không ai quan tâm đến ai. Quan điểm của gia đình và anh T xác định đã động viên nhiều lần nhưng chị L không quay về chung sống với anh T. Nay chị L khởi kiện xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi của hai bên đương sự. Về con chung: chị L và anh T có 02 con chung là Lưu Hà Việt A, sinh ngày 04/02/2008 và Lưu Hà Kiều A1, sinh ngày 30/5/2013. Hiện cháu Việt A đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Kiều A1 đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T làm tiếp thị (lao động tự do), chị L làm công nhân thu nhập của anh T, chị L thì địa phương không nắm được. Tuy nhiên, anh, chị đều có đủ điều kiện nuôi con. Nay anh, chị ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của con chung và quy định của pháp luật giải quyết đảm bảo quyền lợi của các con chung.

Ông Lưu Văn B (bố đẻ anh T) trình bày: Ông xác định chị L, anh T kết hôn hợp pháp vào năm 2007. Sau khi kết hôn chị L, anh T sống gần gia đình ông tại thôn Đ, xã Ú, huyện N. Đến khoảng tháng 9/2022 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì ông không nắm được. Chị L đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ sinh sống từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn anh T thì là việc riêng của anh, chị. Chị Luận cương q ly hôn thì chị L tự giải quyết. Về việc nhận giấy triệu tập, thông báo, Quyết định của Tòa án thông qua văn thư xã ông đã giao những giấy tờ trên cho anh T. Chị L, anh T có 02 con chung là Lưu Hà Việt A, sinh ngày 04/02/2008 và Lưu Hà Kiều A1, sinh ngày 30/5/2013. Hiện cháu Việt A đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Kiều A1 đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện anh T đang ở địa phương làm nghề tiếp thị bia, sáng đi tối về, thu nhập cụ thể như thế nào ông không nắm bắt được nhưng anh T có đủ điều kiện nuôi con. Nếu chị Luận cương q ly hôn thì anh T nhất trí và đề nghị Tòa án tiếp tục giao cháu Việt A cho anh T nuôi dưỡng và tiếp tục giao cháu Kiều A1 cho chị L nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi (thành niên).

Tại phiên Tòa: Chị Hà Thị L, anh Lưu Văn T vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T. Đề nghị Tòa án giao con chung là Lưu Hà Kiều A1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Lưu Hà Việt A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị L đảm

bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Hà Thị L ly hôn anh Lưu Văn T; Giao con chung là Lưu Hà Kiều A1, sinh ngày 30/5/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Lưu Hà Việt A, sinh ngày 04/02/2008 cho anh Lưu Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Về án phí: chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập anh T đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do. Chị Luận đề n không tiến hành hòa giải; Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hà Thị L và anh Lưu Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã N (nay là Ú), huyện N nơi sinh sống của anh, chị tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp.

[3] Chị L khởi kiện xin ly hôn, anh T biết rõ việc chị L khởi kiện xin ly hôn, việc Tòa án triệu tập nhưng anh không đến làm việc, không bày tỏ quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện. HĐXX thấy rằng, mặc dù anh T không đến Tòa án làm việc, trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị L song tại lời khai của chị L, Biên bản xác minh ngày 20/12/2023, lời khai của người làm chứng là ông Lưu Văn B (bố đẻ anh T) đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng ly thân đã lâu, không quan tâm đến nhau. Như vậy, chị L và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không

đạt được, nên đề bảo vệ quyền lợi hợp pháp của chị L. Tòa án căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị L ly hôn anh T.

[4] *Về quan hệ con chung*: Chị Hà Thị L và anh Lưu Văn T có hai con chung là Lưu Hà Việt A, sinh ngày 04/02/2008 và Lưu Hà Kiều A1, sinh ngày 30/5/2013. Ly hôn chị đề nghị giao con chung Lưu Hà Kiều A1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Lưu Hà Việt A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Căn cứ vào quy định của pháp luật, biên bản xác minh ngày 20/12/2023, lời khai của ông Lưu Văn B (bố đẻ anh T). HĐXX giao con chung là Lưu Hà Kiều A1, sinh ngày 30/5/2013 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng; giao con chung là Lưu Hà Việt A cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[5] *Về quan hệ tài sản*: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Hà Thị L khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về...án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Hà Thị L ly hôn anh Lưu Văn T.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho chị Hà Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lưu Hà Kiều A1, sinh ngày 30/5/2013 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (thành niên). Giao cho anh Lưu Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lưu Hà Việt A, sinh ngày 04/02/2008 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (thành niên). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Hà Thị L, anh Lưu Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, con chung là không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Hà Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn

đồng) tạm ứng án phí chi đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000448, ngày 10 tháng 10 năm 2023.

3. *Về quyền kháng cáo:* Chị Hà Thị L, anh Lưu Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã Ứng Hòa, huyện Ninh Giang;
- Dương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Quý Long

